



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

NEDI 2

Trụ sở chính: số 336 đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Tel: (84-20) 3501 540 Fax: (84-20) 3903661

Văn phòng Hà Nội: 2203, Tòa nhà VINACONEX số 34 Láng Hạ, Đống Đa TP Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84-4) 62849281

Email: nedi2@nedi2.com.vn; nedi2.hn@gmail.com Website: <http://www.nedi2.com.vn>

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2013 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2

Về việc Thông qua phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh,
dự án thủy điện Ngòi Phát

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 (NEDI 2);
- Biên bản kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2013/BB-ĐHĐCD ngày 24/12/2013 của Công ty NEDI2 về việc kiểm phiếu biểu quyết xin ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thông qua phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh, dự án thủy điện Ngòi Phát.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty NEDI2 thông qua Phê duyệt Tổng mức đầu tư điều chỉnh dự án thủy điện Ngòi Phát với các nội dung sau:

- Tên dự án** : Công trình thủy điện Ngòi Phát.
- Chủ đầu tư** : Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.
- Tổ chức tư vấn lập TMĐT điều chỉnh**: Công ty Tư vấn đại học Xây dựng.
- Đơn vị tư vấn thẩm tra TMĐT điều chỉnh**: Viện kỹ thuật Công trình - Trường ĐH Thủy Lợi.
- Đơn vị thẩm định** : Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2.
- Địa điểm xây dựng công trình**: Trên suối Ngòi Phát thuộc 3 xã Bản Vược, Bản Xèo, Dền Thàng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
- Diện tích sử dụng đất**: 209 ha.
- Mục tiêu xây dựng công trình**:
Sản xuất, cung cấp điện năng cho khu vực Lào Cai qua lưới điện Quốc gia để cải thiện chất lượng điện và theo biểu đồ điều độ do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) yêu cầu với điện lượng bình quân hàng năm là: 313,9 triệu kWh.
- Các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án**:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
I	Đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực F_{lv}	Km ²	398
2	Lưu lượng bình quân năm Q_0	m ³ /s	17,7
II	Hồ chứa		



TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
1	Mức nước dâng bình thường MNDBT	m	435
2	Mức nước chết MNC	m	428
3	Mức nước gia cường MNGC ($P_{TK} = 1\%$)	m	437,03
4	Mức nước kiểm tra MNKT ($P_{KT} = 0.2\%$)	m	439,34
5	Diện tích mặt hồ ứng MNDBT	Km ²	0,257
7	Dung tích toàn bộ W_{tb}	10 ⁶ m ³	2,099
8	Dung tích hữu ích W_{hi}	10 ⁶ m ³	1,376
9	Dung tích chết W_c	10 ⁶ m ³	0,723
III	Công trình đầu mối		
A	Đập chính		
	+ Loại đập		Bê tông trọng lực
	+ Cao trình đỉnh đập	m	441
	+ Chiều dài đỉnh đập	m	107,1
	+ Chiều cao lớn nhất	m	34
B	Công trình tràn bên		
	+ Lưu lượng xả lũ thiết kế ($P = 1\%$)	m ³ /s	437
	+ Lưu lượng xả lũ kiểm tra ($P = 0.2\%$)	m ³ /s	1.304
	+ Ngưỡng /bề rộng /số khoang tràn	m	435/70/1
	+ Cao độ đáy máng bên	M	425 ÷ 423,6
	+ Chiều rộng đáy máng bên	m	7,5 ÷ 15
	+ Độ dốc máng bên		0,02
C	Dốc nước	m	
	Chiều dài dốc nước	m	166
	Mặt cắt dốc		Hình thang
	Độ dốc		0,05
	Chiều rộng dốc nước	m	15
D	Công trình tháo sâu		
	+ Lưu lượng xả lũ thiết kế ($P = 1\%$)	m ³ /s	2.497
	+ Lưu lượng xả lũ kiểm tra ($P = 0.2\%$)	m ³ /s	3.222
	+ Kích thước khoang tháo BxH	m	8x10
	+ Số khoang tháo		3
	+ Cao trình ngưỡng	m	418
E	Công trình tiêu năng		
	+ Dạng công trình tiêu năng		Hồ tiêu năng
	+ Cao trình đáy hồ tiêu năng	m	400,0
IV	Tuyến năng lượng		
A	Cửa lấy nước		
1	Kích thước cửa lấy nước BxH	m	3,5x3,5
2	Cao trình ngưỡng lấy nước	m	420

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị
3	Cao trình đỉnh cửa lấy nước	m	441
B	Đường hầm dẫn nước		
1	Tổng chiều dài hầm dẫn	m	7.114,47
2	Tổng chiều dài hầm bọc áo bê tông	m	1.546,87
3	Tổng chiều dài hầm không bọc áo bê tông	m	5.567,60
4	Mặt cắt hầm bọc áo bê tông		Dạng chữ U ngược
	+ Kích thước	m	3,5x3,5
	+ Chiều dày bọc áo	m	0,3
5	Mặt cắt hầm không bọc áo bê tông		Dạng chữ U ngược
	+ Kích thước	m	4,1x4,1
	+ Chiều dày phun vữa	m	0,05-0,08
C	Tháp điều áp		
1	Đường kính tháp	m	6÷18
2	Chiều dày bọc bê tông	m	0,5÷1
3	Cao trình đáy tháp	m	432
4	Cao trình đỉnh tháp	m	446
D	Đường hầm áp lực		
1	Đường kính ống	m	2,8
2	Chiều dài hầm tính từ Tháp điều áp	m	1.156,35
3	Bọc áo bê tông	m	0,5
4	Lớp thép lót	mm	14÷36
E	Nhà máy thủy điện		
1	Loại tua bin		Francis - Trục đứng
2	Số tổ máy		3
3	Công suất lắp máy N_{lm}	MW	72
4	Cột nước lớn nhất H_{max}	m	333,3
5	Cột nước nhỏ nhất H_{min}	m	299,4
6	Cột nước tính toán H_{tt}	m	301,8
8	Cột nước trung bình H_{tb}	m	322,1
9	Lưu lượng phát điện Q_{Tmax}	m ³ /s	27,72
10	Lưu lượng đảm bảo Q_{db}	m ³ /s	3,03
11	Điện lượng trung bình năm E_0	10 ⁶ kwh	313,9
12	E mùa lũ	10 ⁶ kwh	129,56
13	E mùa kiệt	10 ⁶ kwh	184,34
14	E thứ cấp	10 ⁶ kwh	229,80
15	E sơ cấp	10 ⁶ kwh	84,10
16	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	giờ	4.360

10. Giá trị TMDT điều chỉnh phê duyệt: 2.068,647 tỷ đồng.

00215
CÔNG TY
ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG
HIỂN BẮC
CAI - T. L.

(Bảng chữ: Hai nghìn, không trăm sáu mươi tám tỷ, sáu trăm bốn mươi bảy triệu đồng, đã bao gồm thuế GTGT), trong đó:

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Thành phần chi phí	Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh (trước thuế)	Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh (sau thuế)
	Tổng mức đầu tư	1.970.615.531	2.068.647.973
1	Chi phí xây dựng	965.160.822	1.042.999.012
2	Chi phí thiết bị	386.011.926	390.108.062
3	Bồi thường, hỗ trợ và GPMB	28.834.462	29.519.462
4	Quản lý dự án	23.198.115	25.517.926
5	Tư vấn đầu tư xây dựng	53.258.409	58.584.250
6	Chi phí khác	475.067.059	478.926.049
6.1	Lãi vay trong TGXD	427.536.619	427.536.619
	Lãi vay dài hạn	373.395.300	373.395.300
	Lãi vay ngắn hạn	54.141.319	54.141.319
6.2	Các chi phí khác	47.530.440	51.389.430
7	Dự phòng phí (tính bằng 6,7% giá trị khối lượng còn lại)	39.084.738	42.993.212

10.1. Nội dung điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án.

Đơn vị: Nghìn đồng

Stt	Thành phần chi phí	Tổng mức đầu tư phê duyệt tháng 3/2013	Tổng mức đầu tư dự án điều chỉnh	Chênh lệch Tăng/giảm (+/-)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5=4-3)
	Tổng mức đầu tư	1.743.636.230	2.068.647.973	+325.011.743
1	Chi phí xây dựng	885.373.102	1.042.999.012	+157.625.910
2	Chi phí thiết bị	352.215.731	390.108.062	+37.892.331
3	Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	33.229.847	29.519.462	-3.710.385
4	Chi phí quản lý dự án	22.850.447	25.517.926	+2.667.479
5	CP tư vấn đầu tư xây dựng	53.887.770	58.584.250	+4.696.480
6	Chi phí khác trong đó:	373.730.821	478.926.049	+105.195.228
6.1	Lãi vay trong thời gian xây dựng	351.563.519	427.536.619	+75.973.100
	Lãi vay dài hạn	329.383.898	373.395.300	+44.011.402
	Lãi vay ngắn hạn	22.179.621	54.141.319	+31.961.698
6.2	Các chi phí khác	22.167.302	51.389.430	+29.222.128
7	Dự phòng phí	22.348.512	42.993.212	+20.644.700

10.2. Các chỉ tiêu kinh tế - tài chính điều chỉnh của dự án.

Phương án đề xuất cơ cấu nguồn vốn đầu tư như sau:

- Vốn tự có của Chủ đầu tư : 20%
- Vốn vay : 80%; trong đó:
 - + Vốn vay BIDV : 57,8%, thời gian vay 14 năm theo HĐTD đã ký kết.
 - + Vốn vay VDB : 22,2%, thời gian vay dự kiến điều chỉnh lên 15 năm theo Nghị định 54 ND/2013/NĐ-CP ngày 22/5/2013 của Chính Phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước

Giá bán điện (chưa bao gồm thuế GTGT): 850 đồng/kWh, giá bán điện dự kiến được điều chỉnh tăng bình quân 4%/2 năm trong phương án đề xuất là phù hợp với lộ trình tăng giá bán điện của EVN đối với các Dự án điện độc lập hiện nay

Với các thông số đầu vào cơ bản trên, các chỉ tiêu kinh tế, tài chính điều chỉnh của dự án như sau:

Tổng mức đầu tư duyệt tháng 3/2013	Tổng mức đầu tư điều chỉnh
Giá bán điện chưa bao gồm thuế VAT dự kiến: 722 đồng/kwh	Giá bán điện chưa bao gồm thuế VAT dự kiến: 850 đồng/kwh
Chỉ tiêu kinh tế	Chỉ tiêu kinh tế
EIRR : 12,4 %	EIRR : 11,8 %
NPV : 372,85 tỷ đồng	NPV : 300,508 tỷ đồng
B/C : 1,62	B/C : 1,5
Chỉ tiêu tài chính	Chỉ tiêu tài chính
EIRR : 14,5 %	FIRR : 13,29 %
NPV : 353,02 tỷ đồng	NPV : 300,555 tỷ đồng
B/C : 1,69	B/C : 1,53
Thời gian hoàn vốn: 11 năm	Thời gian hoàn vốn: 12 năm
Suất đầu tư cho 1MW: 24,22 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT)	Suất đầu tư cho 1MW: 28,73 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT)
	Suất đầu tư bình quân cho 01 MW đối với các Dự án thủy điện có quy mô tương tự hoàn thành trong thời gian gần đây từ 26,00 - 35,00 tỷ đồng.

10.3. Phương án thu xếp nguồn vốn bổ sung (TMĐT phát sinh thêm trước thuế):

- Vốn tự có của Chủ đầu tư : 20%, tương đương 61.883.116.000 đồng
- Vốn vay : 80%, tương đương 247.530.339.000 đồng

Tổng cộng: 309.413.455.000 đồng

11. Tiến độ thực hiện dự án.

- Bắt đầu thi công hạng mục công trình chính: quý 4 năm 2007.
- Hoàn thành dự án: quý 2 năm 2014 (phần đầu phát điện tổ máy số 1 không muộn hơn ngày 30/4/2014).

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần đầu tư và phát triển điện Miền Bắc 2 cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ vào các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành và các quy định của Công ty.

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Cổ đông Công ty, các Thành viên Hội đồng quản trị, các Thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, các Phó giám đốc; Các đơn vị và các nhân liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu TCHC, KTKH, thư ký.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Ngọc.Điệp